TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 976 /2026/DS-PT
Ngày:19-5-2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

***Các Thẩm phán*:** Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 2 xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 1686/2025/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 84/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1122/2026/QĐ-PT ngày 02/3/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần C1; địa chỉ: số A, đường T, phường C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Bà Đoàn Thị Ngọc B, sinh năm 1977; nơi cư trú: khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (nay là phường B, tỉnh Đồng Nại).

- Ông Trịnh Thanh S, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước (nay là xã P, tỉnh Đồng Nai).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đức M, sinh năm 1977; CCCD số 074077002534; nơi cư trú: khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thanh C, sinh năm 1979; số CCCD: 07417900350 cấp ngày 25/3/2021; nơi cư trú: số D, đường số A, tổ F, khu phố H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Đức M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 là bà Đoàn Thị Ngọc B trình bày:

Ông Đức M có ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng C1) - Chi nhánh B1 – P Hợp đồng cho vay số HĐCV số NAMCM-105/2023-HĐCV/NHCT504 ngày 26/5/2023 để vay số tiền là 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng). Mục đích vay vốn là bổ sung vốn mua cây cao su cạo và thanh lý, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất trong hạn tại thời điểm ký Hợp đồng cho vay là 10,7%/năm, khách hàng nhận đủ tiền vay 1300.000.000 đồng, dư nợ gốc hiện tại đến hết ngày 10/11/2024 là: 1.159.904.941 đồng, tiền lãi vay cộng dồn là 73.964.266 đồng. Từ ngày 29/05/2023 đến ngày 01/05/2024, khách hàng thanh toán tiền lãi vay trong hạn đến hạn định kỳ theo quy định, đến ngày 02/05/2024 khách hàng đến hạn lãi khoản vay nhưng không thực hiện thanh toán và đã quá hạn lãi từ ngày 02/05/2024. Khoản vay gốc của khách hàng đến hạn từ ngày 29/05/2024. Ông M có ký kết với Ngân hàng C1 - Chi nhánh B1 phát hành Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 08/2023/TTTD ngày 22/6/2023. Đến hết ngày 10/11/2024, dư nợ thẻ là 134.097.811 đồng (gốc: 125.827.060 đồng, lãi đến hạn: 7.795.509 đồng, phí: 475.242 đồng). Về tài sản thế chấp: Để bảo đảm cho khoản vay phát sinh từ hợp đồng cho vay ký trên bà Nguyễn Thanh C đã thế chấp tài sản bảo đảm cho Ngân hàng C1 - Chi nhánh B1 - P là: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BO 793006 do UBND Thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 03/10/2013, số vào sổ cấp GCN: CS 773273 cho bà Nguyễn Thanh C (em ông M) theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: NAMCM-105/2023/HĐBĐ/NHCT504 ngày 26/05/2023, cụ thể: địa chỉ: phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; diện tích: 75,5m^2 (bảy mươi lăm phẩy năm mét vuông); Hình thức sử dụng: sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở đô thị; Thời hạn sử dụng: đất ở: Lâu dài; Nguồn gốc sử dụng: nhà nước công nhận QSDĐ như nhà nước giao đất; Sơ đồ thửa đất: thửa đất số 99, tờ bản đồ số 21.

Đến hết ngày 10/11/2024, ông Nguyễn Đức M còn nợ Ngân hàng C1 tổng số tiền tạm tính là 1.367.967.018 đồng (có bảng kê nợ gốc, lãi vay, lãi phạt kèm theo). Từ thực tế trên, căn cứ các hợp đồng cho vay, hợp đồng phát hành thẻ tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản mà các bên đã ký kết, các quy định của pháp luật liên quan.

Ngân hàng C1 khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết các nội dung sau đây:

Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc ông Nguyễn Đức M phải trả cho Ngân hàng TMCP C1 số tiền tạm tính đến hết ngày 30/09/2025 theo hợp đồng cho vay và

hợp đồng phát hành thẻ tín dụng là: 1.551.503.528 đồng. Buộc ông Nguyễn Đức M phải trả nợ gốc đến hạn, nợ lãi vay, nợ lãi quá hạn, phí cho Ngân hàng TMCP C1 theo các hợp đồng cho vay, hợp đồng phát hành thẻ tín dụng, các văn bản sửa đổi bổ sung, thông báo thay đổi lãi suất cho vay kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi trả hết nợ xong.

Về tài sản bảo đảm: Đề nghị Toà xử khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Nguyễn Đức M không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ đúng, đủ cho Ngân hàng, chủ tài sản bảo đảm không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ bảo đảm như đã cam kết thì Ngân hàng TMCP C1 có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số: NAMCM-105/2023/HĐBĐ/NHCT504 ngày 26/05/2023 để thu hồi nợ theo quy đinh của pháp luật. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP C1 thì Ngân hàng TMCP C1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Đức M để Ngân hàng TMCP C1 thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thanh C trình bày:

Bà Nguyễn Thanh C có thế chấp thửa đất số 99, tờ bản đồ số 21 để đảm bảo cho khoản vay của ông Nguyễn Đức M. Trong trường hợp ông M không thanh toán khoản nợ theo hợp đồng tín dụng thì bà C đồng ý phát mãi tài sản thế chấp theo quy định.

Chứng cứ nguyên đơn xuất trình gồm: 02 căn cước công dân tên Đoàn Thị Ngọc B, Trịnh Thanh S; 01 văn bản ủy quyền số 652/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT3 ngày 25/6/2024; 01 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103038874; 01 giấy phép thành lập và hoạt động; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100111948-072; 01 Quyết định bổ nhiệm số 3486 ngày 31/8/2022; 01 Quyết định bổ nhiệm lại số 426 ngày 25/8/2022; 01 quyết định thành lập Ngân hàng TMCP C1 – C2; 01 quyết định chuyển đổi và đổi tên chi nhánh; 01 giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 22/6/2023; 01 phiếu giao nhận thẻ; 01 căn cước công dân tên Nguyễn Đức M; 01 sao kê chi tiết giao dịch; 01 giấy xác định trình tạng hôn nhân; 01 căn cước công dân tên Nguyễn Thanh C; 01 giấy đề nghị vay vốn ngày 23/5/2023; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 793006; số vào sổ cấp GCN: Ch02620 do UBND thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 03/10/2013; 01 văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 08/8/2013; 01 biên bản định giá tài sản bảo đảm; 01 Hợp đồng thế chấp số NAMCM-105/2023/HĐBĐ/NHCT504 ngày 26/5/2023; 01 Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 26/5/2023; 01 Hợp đồng cho vay số NAMCM-105/2023/HĐCV/NHCT504 ngày 26/5/2023; 01 giấy nhận nợ ngày 29/5/2023; 01 văn bản ủy quyền số 163/UQ-CNBP-PTH; 02 thông báo khởi kiện số 58/TB và 59/TB ngày 11/11/2024; 01 văn bản tính lãi tiền vay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tống đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Đức M do ông Nguyễn Đức M vắng mặt tại nơi cư trú. Theo kết quả xác minh ngày 14 tháng 3 năm 2025 tại Công an thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương được biết: ông Nguyễn Đức M có đăng ký thường trú tại khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương và hiện không có cư trú tại địa phương. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng Nguyễn Đức M theo hình thức đăng thông tin công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tuy nhiên, ông Nguyễn Đức M không gửi văn bản trình bày ý kiến của bị đơn về việc nguyên đơn yêu cầu tranh chấp hợp đồng tín dụng và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cung cấp thông tin tính nợ chi tiết đến ngày 30 tháng 9 năm 2025.

Bị đơn ông Nguyễn Đức M trình bày tại phiên toà: thống nhất với ý kiến của Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 về việc ký kết hợp đồng tín dụng và số tiền vay, tuy nhiên hiện nay ông M mới vừa điều trị bệnh, sức khoẻ yếu, hoàn cảnh khó khăn nên ông M thống nhất với số tiền nợ gốc, đề nghị Ngân hàng xem xét miễn giảm lãi cho ông M và gia hạn thêm thời gian thanh toán.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thanh C vắng mặt tại phiên toà và có đơn xin vắng mặt.

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 84/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 đối với bị đơn ông Nguyễn Đức M về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Nguyễn Đức M có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 số tiền tổng cộng là 1.551.503.528 đồng (một tỷ năm trăm năm mươi mốt triệu năm trăm lẻ ba nghìn năm trăm hai mươi tám đồng), trong đó: số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng cho vay số HĐCV số NAMCM-105/2023-HĐCV/NHCT504 ngày 26 tháng 5 năm 2023 trong đó nợ gốc là 1.159.904.941 đồng (một tỷ một trăm năm mươi chín triệu chín trăm lẻ bốn nghìn chín trăm bốn mươi mốt đồng) và nợ lãi quá hạn là 239.217.203 đồng (hai trăm ba mươi chín triệu hai trăm mười bảy nghìn hai trăm lẻ ba đồng); số tiền nợ phát sinh từ giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 08/2023/TTTD ngày 22 tháng 6 năm 2023 trong đó nợ gốc là 120.877.060 đồng (một trăm hai mươi triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi đồng), nợ lãi là 29.261.802 đồng (hai mươi chín triệu hai trăm sáu mươi mốt nghìn tám trăm lẻ hai đồng) và nợ phí thẻ tín dụng là 2.242.522 đồng (hai triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm hai mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 30 tháng 9 năm 2025 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng đã ký kết Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 với ông Nguyễn Đức M.

Trường hợp ông Nguyễn Đức M không thanh toán khoản nợ theo hợp đồng tín dụng trên hoặc thanh toán không đầy đủ theo quy định thì Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tọa lạc tại thửa đất số 99, tờ bản đồ số 21; diện tích: 75,5 m^2 , địa chỉ: phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 793006; số vào sổ cấp GCN: CH02620 do UBND thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 03/10/2013 cho bà Nguyễn Thanh C và toàn bộ tài sản trên đất theo Hợp đồng thế chấp số NAMCM-105/2023/HĐBĐ/NHCT504 ngày 26/5/2023 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 với bà Nguyễn Thanh C, công chứng ngày 26/5/2023 tại Phòng C3 tỉnh Bình Dương, số công chứng 1074, quyển số 05/2023 TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 26/5/2023 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T, tỉnh Bình Dương để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ theo hợp đồng tín dụng thì ông Nguyễn Đức M vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho nguyên đơn theo quy định.

2. Về chi phí tố tụng: ông Nguyễn Đức M phải chịu chi phí tố tụng với số tiền 11.600.000 đồng (mười một triệu sáu trăm nghìn đồng) để hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C1.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Đức M phải chịu 58.545.105 đồng (năm mươi tám triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn một trăm lẻ năm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 số tiền số 26.519.505 đồng (hai mươi sáu triệu năm trăm mười chín nghìn năm trăm lẻ năm đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0006221 ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 30/9/2025 bị đơn ông Nguyễn Đức M có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm lãi theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Đức M có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, việc kháng cáo vẫn trong thời hạn quy định, đơn kháng cáo có nội dung, hình thức phù hợp với quy định tại Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để thụ lý, xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh nơi cư trú của bị đơn ông Nguyễn Đức M tại Công an thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; kết quả xác minh thể hiện ông M có đăng ký thường trú tại địa phương nhưng thực tế không cư trú tại nơi đăng ký. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho ông M bằng hình thức niêm yết, đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng là phù hợp quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại cấp phúc thẩm, Tòa án tiến hành niêm yết đối với ông Nguyễn Đức M tại địa chỉ nêu trên. Ngày 13/5/2026, ông Nguyễn Đức M có đơn xin xét xử vắng mặt. Ngày 11/5/2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thanh C có đơn xin vắng mặt, do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức M, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Căn cứ Hợp đồng cho vay số NAMCM-105/2023-HĐCV/NHCT504 ngày 26/5/2023, Giấy nhận nợ ngày 29/5/2023 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 08/2023/TTTD ngày 22/6/2023, có đủ cơ sở xác định giữa Ngân hàng TMCP C1 – Chi nhánh B1 và ông Nguyễn Đức M đã xác lập quan hệ hợp đồng tín dụng. Các hợp đồng nêu trên được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung và hình thức phù hợp quy

định pháp luật, nên phát sinh quyền, nghĩa vụ ràng buộc đối với các bên theo quy định của Bộ luật Dân sự và pháp luật về tổ chức tín dụng.

Theo đó, ông Nguyễn Đức M đã được giải ngân số tiền vay 1.300.000.000 đồng và sử dụng thẻ tín dụng theo hạn mức được cấp. Quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 29/5/2023 đến ngày 01/5/2024, ông M đã thanh toán tiền lãi trong hạn theo định kỳ. Tuy nhiên, từ ngày 02/5/2024, ông M không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả lãi và khoản nợ gốc đến hạn từ ngày 29/5/2024 cũng không được thanh toán theo thỏa thuận. Đến ngày 10/11/2024, ông M còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 1.367.967.018 đồng; theo bảng tính nợ do Ngân hàng cung cấp, số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2025 là 1.551.503.528 đồng, bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và các khoản phí. Tại các văn bản trình bày, ông M thừa nhận việc vay tiền, thừa nhận số nợ gốc và việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Đức M phải thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng phát hành thẻ tín dụng là có căn cứ, phù hợp với các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự.

Đối với yêu cầu miễn, giảm lãi và gia hạn nghĩa vụ trả nợ: Ông M đề nghị Ngân hàng xem xét miễn, giảm lãi và gia hạn thời gian thanh toán với lý do sức khỏe yếu, hoàn cảnh khó khăn. Tuy nhiên, đây là quan hệ hợp đồng dân sự có thỏa thuận cụ thể về lãi suất, thời hạn và hậu quả pháp lý khi vi phạm nghĩa vụ. Ngân hàng không đồng ý với đề nghị này. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông M.

[2.2] Về tài sản bảo đảm:

Căn cứ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số NAMCM-105/2023/HĐBĐ/NHCT504 ngày 26/5/2023 và tài liệu đăng ký giao dịch bảo đảm có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thanh C đã tự nguyện dùng quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 99, tờ bản đồ số 21 để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Đức M. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà C xác nhận việc thế chấp là tự nguyện và đồng ý xử lý tài sản bảo đảm nếu ông M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp ông M vi phạm nghĩa vụ là đúng quy định tại các Điều 299 và 303 Bộ luật Dân sự.

[3] Từ những lập luận trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức M, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân về việc giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Đức M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức M.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 84/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Đức M phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021371 ngày 30/9/2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM;
- TAND khu vực 19 - TPHCM;
- Phòng THADS khu vực 19 - TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự (14).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Dũng

2025DSPT45582
1 000138 803213
07.01.2026 11:11
Ngân hàng Thương mại Cổ phầ